

Bản án số: 50/2025/DS-ST
Ngày 25-02-2025
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 852/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách Thu T - Sinh năm: 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Lê Ngọc B (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là bà Quách Thu T trình bày: Ngày 13/3/2022 al bà có mở 01 dây hụi 2.000.000 đồng, hụi gồm có 32 chung. Bà B có tham gia 01 chung, đến kì thứ 10 thì bà B hốt hụi. Bà B đóng lại hụi chết được 19 lần thì không đóng nữa. Hiện nay bà B còn nợ bà 02 lần hụi chết với số tiền 4.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà B trả cho bà số tiền 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T trình bày: Sau khi bà khởi kiện, bà B đã trả cho bà được 1.000.000 đồng, nay bà chỉ yêu cầu bà B trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Ngọc B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T; không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thu T thấy rằng: Bà T yêu cầu bà B trả số tiền nợ hụi 4.000.000 đồng, Bà B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải và xét xử nhưng bà B vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến phản hồi. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do vậy có cơ sở xác định bà B có nợ bà T số tiền hụi 4.000.000 đồng. Việc bà B không trả nợ hụi làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T nên buộc bà B có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền trên là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T trình bày: Sau khi bà khởi kiện bà B đã trả cho bà được 1.000.000 đồng, nay bà chỉ yêu cầu bà B trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà B trả cho bà T số tiền 3.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T không phải chịu, bà B phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thu T. Buộc bà Lê Ngọc B có nghĩa vụ trả cho bà Quách Thu T số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bà B phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Quách Thu T không phải chịu; Bà Lê Ngọc B phải chịu là 300.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Chuộng Nguyễn Kim Kết

Lâm Ngọc Trâm

